

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	3
3. Bảng cân đối kế toán ngày 30/6/2009	4 - 5
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	8 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên HĐQT
Ông Mã Đức Tú	Thành viên HĐQT
Ông Võ Hữu Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Đào Việt Thắng	Trưởng ban kiểm soát
Bà Hồ Thị Ngọc Tuyết	Thành viên ban kiểm soát
Vũ Thị Thanh Quyên	Thành viên ban kiểm soát

2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc

3. Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính đặt tại: 124 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Hà Nội	Tầng 7, tòa nhà Simco, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội.
Chi nhánh SMC – An Lạc	548 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Bình Tân, Tp.HCM.

4. Các hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở); Xây dựng, lắp đặt công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất; Lập dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà, mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm; Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hóa nội địa và xuất khẩu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Kết quả của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/6/2009 và kết quả hoạt động của thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009 cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ kết thúc vào cùng ngày 30/6/2009 được trình bày từ trang 04 đến trang 24.

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

9. Các vấn đề khác

Trong năm 2008, Công ty đã thành lập Công ty con có tên gọi là Công ty TNHH Một thành viên SMC Bình Dương theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701117241 ngày 10/11/2008. Tuy nhiên đến thời điểm 01/01/2009, Công ty con này mới bắt đầu hoạt động.

10. Kiểm toán viên

Công ty Tư vấn và Kiểm toán CA&A được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009.

11. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

NGUYỄN NGỌC ANH
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 24 tháng 7 năm 2009

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 7 năm 2009

Số: 066/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**về báo cáo tài chính cho năm tài chính cho thời kỳ từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009
của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC**

**Kính gửi : CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Đầu tư – Thương mại SMC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) ngày 30/6/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 (từ trang 04 đến trang 24). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là nêu ý kiến nhận xét căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, thì các Báo cáo tài chính đính kèm theo bản báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính vào ngày 30/6/2009 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 và được lập phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên

Giám đốc

Nguyễn Lương Nhân

Chứng chỉ KTV số: 0182/KTV

Nguyễn Văn Tuyên

Chứng chỉ KTV số: Đ.0111/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		706.211.441.064	499.392.963.840
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	135.414.530.101	178.004.620.729
1. Tiền	111		32.050.025.673	178.004.620.729
2. Các khoản tương đương tiền	112		103.364.504.428	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.02	133.884.031.184	10.723.809.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		139.751.610.507	19.797.183.595
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(5.867.579.323)	(9.073.374.595)
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	V.03	283.832.839.463	184.914.647.755
1. Phải thu khách hàng	131		232.877.369.342	167.831.487.464
2. Trả trước cho người bán	132		48.606.570.350	16.638.501.480
3. Các khoản phải thu khác	135		3.358.251.319	1.454.010.359
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.009.351.548)	(1.009.351.548)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.04	88.593.562.495	94.577.846.387
1. Hàng tồn kho	141		88.593.562.495	94.577.846.387
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.05	64.486.477.821	31.172.039.969
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.145.889.018	1.762.001.166
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		59.334.588.803	29.410.038.803
B. Tài sản dài hạn	200		236.373.370.572	181.701.238.674
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		72.374.906.700	53.784.174.802
1. TSCĐ hữu hình	221	V.06	4.079.288.991	6.781.581.249
- Nguyên giá	222		9.716.647.787	11.900.389.735
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.637.358.796)	(5.118.808.486)
2. TSCĐ vô hình	227	V.07	35.837.066.276	35.824.006.820
- Nguyên giá	228		36.116.566.436	36.077.190.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(279.500.160)	(253.183.360)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	32.458.551.433	11.178.586.733
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		160.867.643.100	124.786.243.100
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.09	95.134.000.000	63.104.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	5.209.131.100	5.209.131.100
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	75.042.207.200	70.990.807.200
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.12	(14.517.695.200)	(14.517.695.200)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		3.130.820.772	3.130.820.772
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.545.454	4.545.454
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.11	3.126.275.318	3.126.275.318
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		942.584.811.636	681.094.202.514

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		704.622.573.358	443.394.463.601
I. Nợ ngắn hạn	310		685.916.553.597	414.688.731.340
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	210.200.376.512	110.730.218.671
2. Phải trả người bán	312	V.14	262.370.703.384	281.637.344.112
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	211.478.056.747	18.749.715.536
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.15	1.048.157.975	2.073.348.787
5. Phải trả người lao động	315		600.000.000	1.167.122.040
6. Chi phí phải trả	316		-	256.487.234
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.16	219.258.979	74.494.960
II. Nợ dài hạn	330		18.706.019.761	28.705.732.261
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	18.679.794.344	28.660.846.844
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		26.225.417	44.885.417
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.18	237.962.238.278	237.699.738.913
I. Vốn chủ sở hữu	410		239.724.074.336	236.744.990.945
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		109.967.770.000	109.967.770.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		59.924.599.600	59.924.599.600
3. Cổ phiếu quỹ	414		(142.489.800)	(142.489.800)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.119.364.160	12.119.364.160
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.670.996.763	2.670.996.763
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		55.183.833.613	52.204.750.222
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		(1.761.836.058)	954.747.968
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		(1.761.836.058)	954.747.968
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		942.584.811.636	681.094.202.514

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		
4. Nợ khó đòi đã xử lý		
5. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	545,474.07	1,866,985.42
6. Dự toán chi hoạt động		

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nguyễn Văn Lâm

Kế toán trưởng

Ngày 24 tháng 7 năm 2009

Nguyễn Ngọc Anh

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009	Từ ngày 01/01/2008 đến 30/6/2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.943.176.524.888	2.094.659.878.163
<i>Trong đó: Doanh thu hàng xuất khẩu</i>			<i>1.451.636.764</i>	<i>-</i>
2. Các khoản giảm trừ	02		3.182.156.795	1.033.040.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.19	1.939.994.368.093	2.093.626.838.163
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	1.905.495.648.856	2.032.310.461.527
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34.498.719.237	61.316.376.636
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	7.002.817.514	2.563.821.608
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	8.683.896.846	11.455.652.212
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>8.182.850.575</i>	<i>10.794.255.155</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.23	10.161.182.318	12.297.335.640
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.24	5.696.585.607	5.844.880.499
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.959.871.980	34.282.329.893
11. Thu nhập khác	31	VI.25	3.155.232.060	495.467.082
12. Chi phí khác	32	VI.26	2.099.861.083	125.863.865
13. Lợi nhuận khác	40		1.055.370.977	369.603.217
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.015.242.957	34.651.933.110
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.27	1.512.446.133	4.851.919.265
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		16.502.796.824	29.800.013.845
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	60		1.502	3.662

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nguyễn Văn Lâm

Kế toán trưởng

Ngày 24 tháng 7 năm 2009

Nguyễn Ngọc Anh

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009

Đơn vị tính: VND

	<i>Mã số</i>	<i>Từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009</i>	<i>Từ ngày 01/01/2008 đến 30/6/2008</i>
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	18.015.242.957	34.651.933.110
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	674.688.110	1.034.495.390
Các khoản dự phòng	03	(3.205.795.272)	9.538.343.584
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(5.687.447.254)	(6.854.339.771)
Chi phí lãi vay	06	8.619.090.109	10.808.564.246
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	18.415.778.650	49.178.996.559
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(59.253.682.698)	57.059.621.274
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	5.984.283.892	(164.324.885.898)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	171.251.116.050	27.605.665.466
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	-	41.580.000
Tiền lãi vay đã trả	13	(8.182.850.575)	(10.794.255.155)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.460.797.301)	(4.720.631.044)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	182.794.908	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3.046.223.659)	(882.566.550)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	123.890.419.267	(46.836.475.348)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(21.349.831.865)	(36.675.782.967)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(357.237.659.811)	(9.591.872.544)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	130.124.502.986	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.687.447.254	3.431.324.048
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(242.775.541.436)	(42.836.331.463)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	9.994.810.000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	(42.419.000)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	551.720.685.633	495.194.863.325
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(458.899.526.666)	(400.705.411.200)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(3.332.053.626)	(1.136.900.004)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(13.194.073.800)	(15.489.839.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	76.295.031.541	87.815.103.621
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(42.590.090.628)	(1.857.703.190)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	178.004.620.729	55.460.426.658
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền tồn cuối kỳ	70	135.414.530.101	53.602.723.468

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nguyễn Văn Lâm

Kế toán trưởng

Ngày 24 tháng 7 năm 2009

Nguyễn Ngọc Anh

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (“Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 5 ngày 14/3/2008.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 109.967.770.000 đồng.

2 Tên giao dịch, trụ sở và các đơn vị trực thuộc

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: SMC TRADING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt: SMC J.S.C.

- Trụ sở chính đặt tại: 124 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh Hà Nội và chi nhánh An Lạc.

Các đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty có con dấu riêng; có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và hạch toán phụ thuộc Công ty.

3 Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất - thương mại - dịch vụ.

4 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở);
- Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất;
- Lập dự án đầu tư xây dựng;
- Kinh doanh nhà;
- Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm;
- Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

5 Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động đến ngày 30/6/2009: 110 người.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6 Danh sách Công ty con và Công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100%	100%
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%
Công ty Cổ phần Hải Việt	Lô số 47, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, Tp Hà Nội	Nuôi trồng thủy sản, sản xuất, thương mại và dịch vụ	60%	60%
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt	147/6 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp.HCM	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	35%	35%
Công ty Cổ phần Cơ khí Chiến Thắng	230 Bạch Đằng, Phường 24, Q.Bình Thạnh, Tp. HCM	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	39%	39%

(*) Tính đến thời điểm 30/6/2009, số vốn thực góp của Công ty vào Công ty Cổ phần SX - TM Vật tư Sao Việt là 1.750.000.000 đồng tương đương 17,5% tổng vốn điều lệ.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp nhập sau xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 năm
Máy móc thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	39 năm
Phần mềm kế toán	2 - 3 năm

7. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư tài chính khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

8. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cũng được trích lập với tỷ lệ là 20% và 3% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 17% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế trong kỳ; và 6% sẽ được trích từ lương của người lao động.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí trong kỳ là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 1% dựa trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm y tế và xã hội.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

13. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

14. Thuế

Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang (nếu có). Công ty được miễn thuế trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (năm 2005) và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo. Bên cạnh đó, Công ty được giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 2 năm 2009 và 2010 do có chứng khoán niêm yết lần đầu theo công văn số 10997/BTC-CST ngày 08/9/2006 của Bộ Tài Chính.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

16. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009***(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán**

1. Tiền		30/6/2009	01/01/2009
Tiền mặt (VNĐ)		5.866.518.204	23.484.015.386
Tiền mặt (USD)		-	52.628.700
Tiền gửi ngân hàng (VNĐ)		16.922.994.185	147.047.251.850
Tiền gửi ngân hàng (USD)		9.260.513.284	7.420.724.793
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng		103.364.504.428	-
Cộng		135.414.530.101	178.004.620.729
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		30/6/2009	01/01/2009
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(*)	19.662.150.137	19.797.183.595
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng		120.089.460.370	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(**)	(5.867.579.323)	(9.073.374.595)
Cộng		133.884.031.184	10.723.809.000

(*) Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 30/6/2009

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	3.000	358.000.000	166.000.000	192.000.000
Công ty CP XNK Thủ Đức	66.993	2.545.734.000	462.251.700	2.083.482.300
Trái phiếu CII	12	12.000.000	-	12.000.000
Công ty CP NXX Khánh Hội	8.000	169.600.000	-	169.600.000
Công ty CP FBT	6.000	428.000.000	-	428.000.000
Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hoá sinh	15.000	223.500.000	-	223.500.000
Công ty CP Đại lý Hàng Hải	11.200	420.483.700	308.483.700	112.000.000
Ngân hàng CP Ngoại Thương	10.000	1.067.000.000	757.000.000	310.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương VN	179.253	3.590.060.000	-	3.590.060.000
Công ty CP Bao bì Sài Gòn	70.500	725.000.000	231.500.000	493.500.000
Công ty Tư vấn XD Tổng hợp	29.714	632.908.200	-	632.908.200
Công ty Inlaco Sài Gòn	50.000	1.780.000.000	1.255.000.000	525.000.000
CN Công ty XD PTĐT Đà Lạt	20.000	338.000.000	-	338.000.000
Công ty CP Bảo hiểm Việt Nam	50.000	3.612.000.000	2.687.000.000	925.000.000
Công ty CP Khoáng sản Việt Nam	150.000	3.440.000.000	-	3.440.000.000
Các Công ty khác	13.026	319.864.237	343.923	319.520.314
Cộng		19.662.150.137	5.867.579.323	13.794.570.814

Trong 6 tháng đầu năm 2009, các khoản cổ tức được nhận từ một số chứng khoán đầu tư ngắn hạn là 324.396.800 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009***(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

3. Các khoản phải thu ngắn hạn	30/6/2009	01/01/2009
Phải thu khách hàng	232.877.369.342	167.831.487.464
Trả trước cho người bán (3.1)	48.606.570.350	16.638.501.480
Phải thu khác (3.2)	3.358.251.319	1.454.010.359
Cộng	284.842.191.011	185.923.999.303
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.009.351.548)	(1.009.351.548)
Cộng	283.832.839.463	184.914.647.755

(3.1) Trong đó, khoản trả trước cho Công ty TNHH Thép Well Time là 298,000.00 USD tương đương 5.059.146.000 đồng và Công ty Yu Hong Steel Industrial là 282,000.00 USD tương đương 5.015.088.000 đồng.

(3.2) Bao gồm:	30/6/2009
- Lãi ký quỹ phải thu	3.209.763.153
- Lãi tiền gửi tiết kiệm phải thu	40.560.000
- Các khoản khác	107.928.166
Cộng	3.358.251.319

4. Hàng tồn kho	30/6/2009	01/01/2009
Nguyên vật liệu	2.535.072	-
Hàng hoá	88.591.027.423	94.577.846.387
Cộng (*)	88.593.562.495	94.577.846.387
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	88.593.562.495	94.577.846.387

5. Tài sản ngắn hạn khác	30/6/2009	01/01/2009
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	5.145.889.018	1.762.001.166
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	6.000.000	-
Các khoản tạm ứng	129.600.000	205.050.000
Ký quỹ thuê nhà (2,139.00 USD)	36.313.803	36.313.803
Ký quỹ mua hàng hóa (*)	59.168.675.000	29.168.675.000
Cộng	64.486.477.821	31.172.039.969

(*) Trong đó, các khoản ký quỹ có gốc ngoại tệ là 275,000.00 USD tương đương 4.668.675.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009***(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	2.117.732.727	220.041.866	8.752.036.636	810.578.506	11.900.389.735
Mua mới	-	-	-	30.490.909	30.490.909
Giảm khác	-	22.800.000	1.939.952.058	251.480.799	2.214.232.857
Số dư cuối kỳ	2.117.732.727	197.241.866	6.812.084.578	589.588.616	9.716.647.787
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	444.140.000	63.297.219	4.113.729.571	497.641.696	5.118.808.486
Tăng	176.460.000	34.617.810	395.724.000	41.569.500	648.371.310
Giảm khác	-	6.840.000	96.705.000	26.276.000	129.821.000
Số dư cuối kỳ	620.600.000	91.075.029	4.412.748.571	512.935.196	5.637.358.796
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	1.673.592.727	156.744.647	4.638.307.065	312.936.810	6.781.581.249
Số dư cuối kỳ	1.497.132.727	106.166.837	2.399.336.007	76.653.420	4.079.288.991

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 2.785.811.802 đồng.

Tài sản cố định giảm do góp vốn thành lập Công ty TNHH Một Thành viên SMC Bình Dương.

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	35.957.827.620	119.362.560	36.077.190.180
Tăng	-	52.854.656	52.854.656
Giảm	-	13.478.400	13.478.400
Số dư cuối kỳ	35.957.827.620	158.738.816	36.116.566.436
Khấu hao lũy kế			
Số dư đầu kỳ	140.560.000	112.623.360	253.183.360
Tăng	30.120.000	2.936.000	33.056.000
Giảm	-	6.739.200	6.739.200
Số dư cuối kỳ	170.680.000	108.820.160	279.500.160
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	35.817.267.620	6.739.200	35.824.006.820
Số dư cuối kỳ	35.787.147.620	49.918.656	35.837.066.276

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009***(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Nguyên giá phần mềm máy vi tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 105.884.160 đồng.

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng vô thời hạn tại 396 Ung Văn Khiêm, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM trị giá 33.607.900.000 đồng; và quyền sử dụng đất có thời hạn 42 năm (đến tháng 11 năm 2046) tại Khu Công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương trị giá 2.349.927.620 đồng.

8. Xây dựng cơ bản dở dang	30/6/2009	01/01/2009
- Mua sắm TSCĐ	3.884.054.628	1.280.257.090
- XD CB dở dang (*)	28.574.496.805	9.898.329.643
Cộng	32.458.551.433	11.178.586.733
(*) Bao gồm:	30/6/2009	01/01/2009
Công trình nhà kho Đồng An - Bình Dương	4.787.865.628	452.501.895
Hệ thống cầu trục tại Đồng An - Bình Dương	215.238.095	215.238.095
Công trình văn phòng tại 396 Ung Văn Khiêm	19.144.283.621	6.868.010.909
Phí tư vấn xây dựng nhà máy Cơ Khí - Thép SMC	1.978.879.859	387.264.000
Chi phí lãi vay được vốn hóa tài sản cố định	1.726.875.372	1.440.875.371
Công trình khác	721.354.230	534.439.373
Cộng	28.574.496.805	9.898.329.643

9. Đầu tư vào Công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	
		30/6/2009	01/01/2009
Công ty TNHH Thép SMC (9.1)	100%	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Hải Việt (9.2)	60%	13.104.000.000	13.104.000.000
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương (9.3)	100%	30.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC (9.4)	100%	2.030.000.000	-
Cộng		95.134.000.000	63.104.000.000

(9.1) Là khoản vốn góp thành lập Công ty TNHH Thép SMC theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4904000110 ngày 25/6/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Tính đến thời điểm 31/12/2008, Công ty đã góp 50 tỷ đồng tương đương 100% vốn điều lệ.

(9.2) Đầu tư dài hạn mua 312.000 cổ phần Công ty cổ phần Hải Việt với giá mua là 42.000 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần). Tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 60% (tổng vốn điều lệ: 5,2 tỷ đồng).

(9.3) Là khoản vốn góp thành lập Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701117241 ngày 10/11/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Tính đến thời điểm 30/6/2009, Công ty đã góp 30 tỷ đồng tương đương 100% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009***(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

(9.4) Là khoản vốn góp thành lập Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500974084 ngày 09/7/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Tính đến thời điểm 30/6/2009, Công ty đã góp 2.030.000.000 đồng tương đương 2,5% vốn điều lệ (tổng vốn điều lệ 80.000.000.000 đồng).

Cho thời kỳ tài chính này, Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản cổ tức, lợi nhuận được chia nào từ khoản đầu tư vào 4 Công ty nêu trên.

10. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh		30/6/2009	01/01/2009
Công ty cổ phần Cơ khí Chiến Thắng	(10.1)	3.459.131.100	3.459.131.100
Công ty cổ phần SX - TM Vật Tư Sao Việt	(10.2)	1.750.000.000	1.750.000.000
Cộng		5.209.131.100	5.209.131.100

(10.1) Là khoản vốn góp vào Công ty cổ phần Cơ khí Chiến Thắng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004376 ngày 27/02/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp với tỷ lệ đăng ký vốn sở hữu của Công ty là 14,13% tương đương 1.243.760.000 đồng. Tính đến thời điểm 30/6/2009, số vốn thực góp của Công ty là 3.459.131.100 đồng tương đương 39,3% vốn điều lệ (tổng vốn điều lệ: 8,8 tỷ đồng).

(10.2) Đầu tư dài hạn mua 175.000 cổ phần Công ty cổ phần SX - TM Vật Tư Sao Việt với giá mua 10.000 đồng/cổ phần. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010318 ngày 16/5/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, tỷ lệ đăng ký vốn sở hữu của Công ty là 35% tương đương 3,5 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 30/6/2009, số vốn thực góp của Công ty là 1.750.000.000 đồng tương đương 17,5%.

Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản cổ tức, lợi nhuận được chia nào từ khoản đầu tư vào 2 Công ty nêu trên.

11. Tài sản dài hạn khác		30/6/2009	01/01/2009
Khoản ký quỹ tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease		1.908.888.800	1.908.888.800
Khoản ký quỹ tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam		1.217.386.518	1.217.386.518
Cộng		3.126.275.318	3.126.275.318

12. Đầu tư dài hạn khác		30/6/2009	01/01/2009
Đầu tư dài hạn khác		75.042.207.200	70.990.807.200
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn		(14.517.695.200)	(14.517.695.200)
Cộng	(12.1)	60.524.512.000	56.473.112.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009***(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***(12.1) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 30/6/2009**

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Công ty Cổ phần Thép - Thép Việt	1.200.000	33.000.000.000	9.000.000.000	24.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Nam Khang	450.000	9.875.000.000	1.325.000.000	8.550.000.000
Công ty Cổ phần Thép Biên Hoà	420.596	12.175.807.200	2.922.695.200	9.253.112.000
Công ty Cổ phần bê tông 620 Long An (*)	50.000	500.000.000	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	100.000	2.720.000.000	1.270.000.000	1.450.000.000
Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất	1.221.000	12.210.000.000	-	12.210.000.000
NH TMCP Công Thương Việt Nam	200.000	4.051.400.000	-	4.051.400.000
Nhà Máy Cơ Khí Luyện Kim	30.000	510.000.000	-	510.000.000
Cộng		75.042.207.200	14.517.695.200	60.524.512.000

(*) Trong 6 tháng đầu năm 2009, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Bê tông 620 Long An với số tiền là 25.000.000 đồng.

13. Vay và nợ ngắn hạn	30/6/2009	01/01/2009
Vay ngân hàng	142.295.165.475	43.214.497.000
Vay cá nhân	64.052.766.000	60.432.766.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	3.852.445.037	7.082.955.671
Cộng	(*) 210.200.376.512	110.730.218.671

(*) Chi tiết các khoản nợ vay và nợ ngắn hạn ngân hàng

	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối kỳ
NH Công Thương - SGD II	43.214.497.000	376.259.361.331	322.178.692.856	97.295.165.475
NH TNHH MTV HSBC	-	157.770.833.810	112.770.833.810	45.000.000.000
Vay cá nhân	60.432.766.000	17.570.000.000	13.950.000.000	64.052.766.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (17*)	7.082.955.671	-	3.230.510.634	3.852.445.037
Cộng	110.730.218.671	551.600.195.141	452.130.037.300	210.200.376.512

Khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Sổ Giao dịch II theo hợp đồng vay ngắn hạn số 09.671001/HĐTDHM ngày 09/01/2009 và hợp đồng tín dụng bổ sung đến lần thứ 3 số 09.671001-03?HĐTDBS ngày 15/5/2009 với hạn mức tín dụng là 212 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến thời điểm 30/6/2009 là 97.295.165.475 đồng bao gồm 59,781.25 USD tương đương 1.016.128.286 đồng và 96.279.037.189 đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ số 124 Ung Văn Khiêm, P.25, Bình Thạnh, Tp.HCM do bà Nguyễn Cẩm Hà đứng tên chủ sở hữu; quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại địa chỉ số 5B Phan Bội Châu, P.2, Bình Thạnh, Tp.HCM và số 147/6 Ung Văn Khiêm, P.25, Bình Thạnh, Tp.HCM do bà Nguyễn Thị Ngọc Loan đứng tên chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009***(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Khoản vay Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC theo từng giấy nhận nợ, lãi suất 9,15 %/năm. Số dư nợ vay đến thời điểm 30/6/2009 là 45 tỷ đồng.

Các khoản vay cá nhân được thực hiện theo từng biên bản thỏa thuận với thời hạn 01 năm, lãi suất huy động từ 0,75 %/tháng - 1,053 %/tháng, tiền lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng.

14. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước	30/6/2009	01/01/2009
Phải trả người bán	262.370.703.384	281.637.344.112
Người mua trả tiền trước	211.478.056.747	18.749.715.536
Cộng	473.848.760.131	300.387.059.648
15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/6/2009	01/01/2009
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.047.757.975	1.394.058.044
Thuế thu nhập cá nhân	-	679.290.743
Phí, lệ phí	400.000	-
Cộng	1.048.157.975	2.073.348.787
16. Các khoản phải trả, phải nộp khác	30/6/2009	01/01/2009
Kinh phí công đoàn	164.326.200	54.595.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	48.669.868	13.220.361
Phải trả khác	6.262.911	6.679.599
Cộng	219.258.979	74.494.960
17. Vay và nợ dài hạn	30/6/2009	01/01/2009
Vay dài hạn ngân hàng (17.1)	-	10.000.000.000
Nợ dài hạn (17.2)	22.532.239.381	25.743.802.515
Cộng	22.532.239.381	35.743.802.515
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	(3.852.445.037)	(7.082.955.671)
Cộng	18.679.794.344	28.660.846.844

(17.1) Chi tiết vay dài hạn ngân hàng:

	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối kỳ
NH TMCP Sài Gòn Công Thương	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009***(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***(17.2)** Bao gồm các khoản nợ dài hạn phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê tài chính với:

Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	12.027.389.086
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	10.504.850.295
Cộng	22.532.239.381

Tài sản thuê tài chính đã được Công ty chuyển nhượng cho Công ty TNHH Thép SMC với giá chuyển nhượng bằng giá vốn. Các khoản nợ dài hạn liên quan đến các hợp đồng thuê tài chính đến hạn trả là 3.852.445.037 đồng

18. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đầu kỳ	Tăng	Giảm	Cuối kỳ
Nguồn vốn kinh doanh	109.967.770.000	-	-	109.967.770.000
Thặng dư vốn cổ phần	59.924.599.600			59.924.599.600
Cổ phiếu quỹ	(142.489.800)	-		(142.489.800)
Quỹ đầu tư phát triển	12.119.364.160	-		12.119.364.160
Quỹ dự phòng tài chính	2.670.996.763	-		2.670.996.763
Lợi nhuận chưa phân phối	52.204.750.222	16.502.796.824	13.523.713.433	55.183.833.613
Quỹ khen thưởng phúc lợi	954.747.968	-	2.716.584.026	(1.761.836.058)
Cộng	237.699.738.913	16.502.796.824	16.240.297.459	237.962.238.278

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Vốn góp thực tế	
	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần
Cổ đông				
Nhóm cổ đông trong nước	109.967.770.000	10.996.777	94.888.370.000	9.488.837
Nhóm cổ đông ngoài nước		-	15.079.400.000	1.507.940
Cộng	109.967.770.000	10.996.777	109.967.770.000	10.996.777
Cổ phiếu quỹ	-	-	(142.489.800)	(6.718)
Cộng	109.967.770.000	10.996.777	109.825.280.200	10.990.059

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận lũy kế đến 01/01/2009	52.204.750.222
Lợi nhuận sau thuế phát sinh 6 tháng đầu năm 2009	16.502.796.824
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	(329.639.633)
Trả cổ tức năm 2008	(4.396.023.600)
Trả cổ tức năm 2009	(8.798.050.200)
Lợi nhuận lũy kế đến 30/6/2009	55.183.833.613

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009***(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009	Từ ngày 01/01/2008 đến 30/6/2008
19. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hoá	1.942.960.284.888	2.094.659.878.163
Doanh thu cung cấp dịch vụ	216.240.000	-
- Hàng bán bị trả lại	(3.182.156.795)	(1.033.040.000)
Cộng	1.939.994.368.093	2.093.626.838.163
20. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn sản phẩm thép các loại xuất bán trong năm	1.905.495.648.856	2.032.310.461.527
21. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.992.957.313	400.006.561
Lãi ký quỹ	2.345.093.141	5.481.573.332
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	-	(8.428.992.036)
Lãi bán chứng khoán	-	157.365.543
Cổ tức được chia, lợi nhuận được chia	349.396.800	629.410.610
Lãi do chênh lệch tỷ giá	1.315.340.260	4.178.179.659
Doanh thu hoạt động tài chính khác	30.000	146.277.939
Cộng	7.002.817.514	2.563.821.608
22. Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	8.182.850.575	10.794.255.155
Lỗ bán chứng khoán	2.014.399.458	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(3.205.795.272)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.692.442.085	661.397.057
Cộng	8.683.896.846	11.455.652.212
23. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	3.743.958.542	2.217.739.434
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	900.000	121.635.336
Chi phí khấu hao TSCĐ	593.943.810	904.073.030
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.938.942.278	8.292.360.889
Chi phí khác bằng tiền	883.437.688	761.526.951
Cộng	10.161.182.318	12.297.335.640

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009	Từ ngày 01/01/2008 đến 30/6/2008
24. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	2.077.892.882	1.007.171.032
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.622.924	135.235.181
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	-
Chi phí khấu hao	87.483.500	130.422.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.873.619.965	1.690.481.016
Dự phòng phải thu khó đòi	-	1.109.351.548
Chi phí khác bằng tiền	652.966.336	1.772.219.362
Cộng	5.696.585.607	5.844.880.499
25. Thu nhập khác		
Thu cho thuê mặt bằng	-	129.000.000
Thu nhập do được hỗ trợ phí bảo lãnh	363.333.333	-
Thuế TNDN được miễn của quý IV/2008	397.948.889	-
Thu lãi quá hạn	291.195.420	-
Thu nhập tài sản chuyển nhượng	2.091.151.057	-
Thu từ hoạt động khác	11.603.361	366.467.082
Cộng	3.155.232.060	495.467.082
26. Chi phí khác		
Lãi chậm thanh toán	-	120.000.000
Giá vốn tài sản chuyển nhượng	2.091.151.057	-
Chi phí khác	8.710.026	5.863.865
Cộng	2.099.861.083	125.863.865
27.		
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	(*) 1.512.446.133	4.851.919.265
(*) Bao gồm:		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.015.242.957	
Cộng chi phí không hợp lý	8.600.709	
Thuế TNDN được giảm của quý IV năm 2008	(397.948.889)	
Trừ cổ tức, lợi nhuận được chia	(349.396.800)	
Thu nhập chịu thuế	17.276.497.977	
Thuế suất	25%	
Thuế TNDN ước tính	4.319.124.494	
Thuế TNDN được giảm tạm tính	(2.806.678.361)	
Thuế TNDN phải nộp ước tính	1.512.446.133	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009***(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***VII. Thông tin khác****1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ tài chính**

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Nghiệp vụ các bên liên quan

Trong thời kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH Thép SMC	Công ty con	Bán hàng hóa	296.890.446.436
		Cho thuê xe	114.000.000
		Thuê kho	(227.778.989)
		Mua hàng hóa	(7.014.961.733)
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Công ty con	Bán hàng hóa	170.087.161.110
		Cho thuê xe	102.240.000
		Thuê kho	(203.256.948)
		Mua hàng hóa	(33.973.432.146)

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Phải thu / (phải trả)
Công ty TNHH Thép SMC	Công ty con	Phải trả tiền hàng	(15.741.644.075)
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương		Phải thu tiền hàng	7.510.632.245

Nguyễn Văn Lâm

Kế toán trưởng

Ngày 24 tháng 7 năm 2009

Nguyễn Ngọc Anh

Tổng Giám đốc